TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 457/2019/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 17 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 307/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2019 về việc: "Ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Đức M, sinh năm 1987;

Địa chỉ cư trú: đường P, Phường MB, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1987;

Địa chỉ cư trú: đường P, Phường MB, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị Đức M và ông Bùi Văn C.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2012 quyển số 01/2012 ngày 08 tháng 6 năm 2012 của UBND phường T, thành phố T1, tỉnh P hết hiệu lực).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Đức M và ông Bùi Văn C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con tên là Bùi Đỗ Minh A, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2013 và Bùi Đỗ Minh C, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2017. Hai bên thỏa thuận giao cả hai con cho bà Đỗ Thị Đức M trực tiếp nuôi dưỡng, ông Bùi Văn C cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng), bắt đầu thực hiện từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi trẻ thành niên. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Bùi Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Kể từ ngày bà Đỗ Thị Đức M có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Bùi Văn C chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông Bùi Văn C còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) do bà Đỗ Thị Đức M tự nguyện chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0000259 ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M được nhận lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) do ông Bùi Văn C chịu.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện KSND Q.Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND phường T, thành phố T1, tỉnh P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Điệp